TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2024/QĐST-KDTM	*T, ngày 20 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H; Địa chỉ: B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (bên bán nợ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H làm đại diện

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn M; Địa chỉ: 2 C, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (bên mua nợ).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu T1, chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn M làm đại diện.

Công ty trách nhiệm hữu hạn M ủy quyền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H; Địa chỉ: B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng ủy quyền số 004.09/2024/HĐUQ/HDB-MTC ngày 30/9/2024.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H, chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ kiêm Trưởng phòng xử lý nợ - Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng TMCP P theo quyết định ủy quyền số 2992/2021/QĐ-TGĐ ngày 31/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H.

Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Viết H1, chức vụ: Trưởng Xử lý nợ Khu vực Miền trung; Địa chỉ: B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Quốc T2, chức vụ: TBP Khách hàng Doanh nghiệp và bà Lương Ngọc Bích T3, chức vụ: Chuyên viên Khách hàng Doanh nghiệp của Ngân hàng H3 – chi nhánh P tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 1702/2024/UQ-TT.XLN ngày 24/10/2024; Địa chỉ: 355-357 N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H4; Địa chỉ: C T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2, chức vụ: Giám đốc là đại diện.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1978 và bà Trương Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: 2 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Trương Thị L ủy quyền cho ông Tô Tiến D, sinh năm 1975; Địa chỉ: E M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và ông Nguyễn Tứ Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ Dân phố D, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 15/10/2024.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 phải trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M tổng cộng số tiền còn nợ tính đến ngày 12/11/2024 là 23.229.759.003 đồng *(hai mươi ba tỷ hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn không trăm lẻ ba đồng)* trong đó nợ gốc 21.799.700.000 đồng *(hai mươi mốt tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)* và nợ lãi trong hạn 783.948.777 đồng *(bảy trăm tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng)*, nợ lãi quá hạn 646.110.226 đồng *(sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm mười nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng)* về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể từng khoản vay như sau:

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN134 ngày 07/12/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 611.532.657 đồng *(sáu trăm mười một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc 560.000.000 đồng *(năm trăm sáu mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 9.733.414 đồng *(chín triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm mười bốn đồng)*, nợ lãi quá hạn 41.799.243 đồng *(bốn mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN135 ngày 07/12/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 964.178.074 đồng *(chín trăm sáu mươi bốn triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng)* trong đó nợ gốc 900.000.000 đồng *(chín trăm triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 15.518.384 đồng *(mười lăm triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng)*, nợ lãi quá hạn 48.659.690 đồng *(bốn mươi tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN136 ngày 08/12/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.653.709.640 đồng *(một tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu bảy trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng)* trong đó nợ gốc 1.550.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 19.793.288 đồng *(mười chín triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng)*, nợ lãi quá hạn 83.916.352 đồng *(tám mươi ba triệu chín trăm mười sáu nghìn ba trăm năm mươi hai đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN137 ngày 08/01/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 2.340.767.044 đồng *(hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng)* trong đó nợ gốc 2.200.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 41.932.603 đồng *(bốn mươi mốt triệu chín trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng)*, nợ lãi quá hạn 98.834.441 đồng *(chín mươi tám triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi mốt đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN138 ngày 26/01/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 818.345.526 đồng *(tám trăm mười tám triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó nợ gốc 770.000.000 đồng *(bảy trăm bảy mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 18.100.275 đồng *(mười tám triệu một trăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng)*, nợ lãi quá hạn 30.245.251 đồng *(ba mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi mốt đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN139 ngày 26/01/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 848.946.926 đồng *(tám trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó nợ gốc 800.000.000 đồng *(tám trăm triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 18.805.479 đồng *(mười tám triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng)*, nợ lãi quá hạn 30.141.447 đồng *(ba mươi triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN140 ngày 26/03/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 2.322.881.449 đồng *(hai tỷ ba trăm hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng)* trong đó nợ gốc 2.200.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 83.292.604 đồng *(tám mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng)*, nợ lãi quá hạn 39.588.845 đồng *(ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN141 ngày 27/03/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.004.659.634 đồng *(một tỷ không trăm lẻ bốn triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng)* trong đó nợ gốc 935.000.000 đồng *(chín trăm ba mươi lăm triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 48.057.719 đồng *(bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm mười chín đồng)*, nợ lãi quá hạn 21.601.915 đồng *(hai mươi mốt triệu sáu trăm lẻ một nghìn chín trăm mười lăm đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN142 ngày 27/03/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.351.338.177 đồng *(một tỷ ba trăm năm mươi mốt triệu ba trăm ba mươi tám nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc 1.280.000.000 đồng *(một tỷ hai trăm tám mươi*

triệu đồng) và nợ lãi trong hạn 48.759.234 đồng *(bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng)*, nợ lãi quá hạn 22.578.943 đồng *(hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN143 ngày 11/04/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.001.209.753 đồng *(một tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm lẻ chín nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng)* trong đó nợ gốc 950.000.000 đồng *(chín trăm năm mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 39.199.865 đồng *(ba mươi chín triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng)*, nợ lãi quá hạn 12.009.888 đồng (*mười hai triệu không trăm lẻ chín nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN144 ngày 11/04/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 600.725.850 đồng *(sáu trăm triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi đồng)* trong đó nợ gốc 570.000.000 đồng *(năm trăm bảy mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 23.519.916 đồng *(hai mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn chín trăm mười sáu đồng)*, nợ lãi quá hạn 7.205.934 đồng *(bảy triệu hai trăm lẻ năm nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN145 ngày 24/04/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 811.220.248 đồng *(tám trăm mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng)* trong đó nợ gốc 760.000.000 đồng *(bảy trăm sáu mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 43.324.374 đồng (*bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng)*, nợ lãi quá hạn 7.895.874 đồng *(bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN146 ngày 24/4/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.376.939.631 đồng *(một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng)* trong đó nợ gốc 1.290.000.000 đồng *(một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 73.537.423 đồng *(bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng)*, nợ lãi quá hạn 13.402.208 đồng *(mười ba triệu bốn trăm lẻ hai nghìn hai trăm lẻ tám đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN147 ngày 07/05/2024,Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.577.810.214 đồng *(một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm mười nghìn hai trăm mười bốn đồng)* trong đó nợ gốc 1.510.000.000 đồng *(một tỷ năm trăm mười triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 63.680.630 đồng *(sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng)*, nợ lãi quá hạn 4.129.584 đồng (*bốn triệu một trăm hai mươi chín nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN148 ngày 08/5/2024; Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 788.070.683 đồng *(bảy trăm tám mươi tám triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng)* trong đó nợ gốc 743.129.900 đồng *(bảy trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm đồng)* và nợ lãi trong hạn 42.594.170 đồng *(bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi đồng)*, nợ lãi quá hạn 2.346.613 đồng *(hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm mười ba đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN149 ngày 08/5/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.641.668.036 đồng *(một tỷ sáu trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn không trăm ba mươi sáu đồng)* trong đó nợ gốc 1.571.670.100 đồng *(một tỷ năm trăm bảy mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi nghìn một trăm đồng)* và nợ lãi trong hạn 66.281.421 đồng *(sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi mốt đồng)*, nợ lãi quá hạn 3.716.515 đồng *(ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng)*.

+ Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 13946/22MB/HĐTD/KUNN150 ngày 09/5/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 1.263.672.747 đồng *(một tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng)* trong đó nợ gốc 1.210.000.000 đồng *(một tỷ hai trăm mười triệu đồng)* và nợ lãi trong hạn 52.119.508 đồng *(năm mươi hai triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm lẻ tám đồng)*, nợ lãi quá hạn 1.553.239 đồng (một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín đồng).

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 13946/22MB/HĐTD ngày 09/5/2022; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 13946/22MB/HĐTD/PL04 ngày 07/7/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn nợ tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/11/2024 là 2.252.082.714 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm mười bốn đồng)* trong đó nợ gốc 1.999.900.000 đồng *(một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng)* và nợ lãi trong hạn 75.698.470 đồng *(bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi đồng)*, nợ lãi quá hạn 176.484.244 đồng *(một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng)*.

- Thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau: Từ ngày 12/11/2024 đến ngày 12/02/2025, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 phải trả dứt điểm cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/11/2024 là 23.229.759.003 đồng *(hai mươi ba tỷ hai trăm hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn không trăm lẻ ba đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/11/2024, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 13946/22MB/HĐTD ngày 09/5/2022, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 13946/22MB/HĐTD/PL04 ngày 07/7/2023 và các giấy đề nghị giải ngân kiêm

khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Tính đến ngày 12/02/2025, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 173 tờ bản đồ số 5 (đo đạc năm 2004) tọa lạc tại phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số: CI 105043, số vào sổ cấp GCN: CH02764 do UBND thành phố T cấp ngày 03/8/2017 cập nhật thay đổi ngày 23/7/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 18942/19MN/HĐBĐ ngày 24/7/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 18942/19MN/HĐBĐ/PL01 ngày 26/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 18942/19MN/HĐBĐ/PL02 ngày 21/01/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 18942/19MN/HĐBĐ/PL03 ngày 14/01/2021. Và Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 174 tờ bản đồ số 5 (đo đạc năm 2004) tọa lạc tại phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số: CI 105042, số vào sổ cấp GCN: CH02763 do UBND thành phố T cấp ngày 03/8/2017 cập nhật thay đổi ngày 23/7/2019 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 20982/19MN/HĐBĐ ngày 24/7/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 20982/19MN/HĐBĐ/PL01 ngày 26/8/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 20982/19MN/HĐBĐ/PL02 ngày 21/01/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 20982/19MN/HĐBĐ/PL03 ngày 14/01/2021 để thu hồi nợ.

Trường hợp bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 trả nợ xong cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả lại cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết.

- Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*. Do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)* nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 phải trả lại cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M số tiền 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)*.

- Về án phí: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H4 tự nguyện chịu 65.649.880 đồng (*sáu mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố H số tiền tạm ứng án phí 65.233.000

đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002765 ngày 25/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân S